BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 864/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành "Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ngôn ngữ Trung Quốc"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục.

Căn cứ Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-ĐHĐĐ ngày 25/6/2021 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-ĐHĐĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ngôn ngữ Trung Quốc", mã ngành 722.02.04.

Điều 2. Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học ngành ngôn ngữ Trung Quốc hệ chính quy và hệ đào tạo vừa làm vừa học từ khóa tuyển sinh năm 2021 (K26). Các chương trình liên quan trước đây đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

PGS,TS. Lê Ngọc Tòng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

DONG DO
UNIVERSITY
Be International

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
MÃ NGÀNH 7220204

Hà Nội, 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

(Ban hành theo Quyết định số 864/QĐ-ĐHĐĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành ngôn ngữ Trung Quốc
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Trung Quốc
Mã ngành : 7220204
Loại hình đào tạo : Chính quy, Vừa làm vừa học

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngành ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Trung Quốc để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng ngôn ngữ. Sử dụng tiếng Trung Quốc đạt trình độ tương đương HSK 5, đặc biệt là biên phiên dịch các chuyên ngành kinh tế, thương mại, du lịch.

Kỹ năng nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Trung Quốc, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Trung và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề. Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2. Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ hai đạt trình độ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ. Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí: Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức

kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí

Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý ngôn ngữ Trung Quốc trong các công ty, đơn vị, tổ chức có sử dụng tiếng Trung Quốc;

Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Trung Quốc tại các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Trung Quốc có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành thạc sĩ tiếng Trung Quốc; tiến sĩ tiếng Trung Quốc; thạc sĩ ngôn ngữ học; tiến sĩ ngôn ngữ học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức. Sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở trình độ cấp 5 HSK, cụ thể:

Nghe hiểu. Nghe hiểu và nắm bắt được những nội dung có lượng từ vựng phong phú và mẫu câu tương đối phức tạp được giảng bằng tiếng Trung Quốc như giải thích từ ngữ, phân tích ngữ pháp, giới thiệu kiến thức bối cảnh văn hoá Trung Quốc; đặc biệt nâng cao kỹ năng nghe tin tức, nghe bản tin tài chính…

Nói. Có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận, phản biện … theo nhóm, thực hiện giao tiếp tốt trong mọi tình huống giao tiếp xã hội.

Đọc hiểu. Thành thạo mọi kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, sau khi đọc nắm bắt nội dung vấn đề trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử…, có khối lượng từ vựng phong phú, đọc hiểu toàn diện nhiều văn bản thuộc các lĩnh vực khác nhau mà không lệ thuộc sách công cụ;

Viết. Nắm được quy cách viết các loại thư tín trong thương mại, hợp đồng, hồ sơ thầu… Biết soạn báo cáo điều tra thị trường, trình bày mạch lạc, đúng văn phong.

Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm và phương pháp phân tích ngữ âm trong tiếng Trung Quốc; hiểu được các nguyên lý phát âm cơ bản và có năng lực phân tích ngữ âm cũng như tự sửa âm cho bản thân và cho người khác. Nắm được những kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học,ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, hiểu được một cách toàn diện và nắm được những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa, để có thể áp dụng vào các văn bản cần biên phiên dịch cho chuẩn xác;

Nắm vững kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Trung Quốc, có thể phân tích thành thạo các thành phần câu trong câu đơn, phân tích mối quan hệ giữa các phân câu trong câu phức, từ đó nâng cao kỹ năng biểu đạt, giúp hoàn thiện các kỹ năng tiếng, vận dụng vào việc biên phiên dịch, và đặt nền móng cho việc tiếp

tục nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở giai đoạn học sau đại học;

Nắm được kiến thức cơ bản và hệ thống về đất nước,con người, văn hóa Trung Quốc thông qua các chuyên đề cụ thể về địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, phong tục. Hiểu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giúp người học có thể giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa, hỗ trợ tích cực cho công tác biên phiên dịch, hướng dẫn du lịch công tác nghiên cứu và các công việc liên quan khác;

Nắm được kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch thuật, các kiến thức liên quan về hai hoạt động Biên dịch, Phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo chính trong Biên dịch, Phiên dịch;

Biết cách ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa vào dịch thuật trong các lĩnh vực ngoại giao, chính trị, kinh tế, giáo dục, du lịch...;

Biết cách vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch nói chung vào dịch chuyên đề báo chí, dịch văn học, dịch kinh tế, thương mại du lịch, cũng như vận dụng vào các loại hình dịch khác nhau như dịch song song, dịch nối tiếp, dịch nghe nhìn…

Thông qua chương trình thực tập, cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch hay kiến thức ngành du lịch - thương mại đã học vào công việc thực tiễn tại các cơ quan, văn phòng, công ty… đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người phiên dịch, người hướng dẫn viên du lịch, trợ lý làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn;

Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Thông qua khối kiến thức tự tìm hiểu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán ... Đối với sinh viên không làm khóa luận, các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được tốt hơn những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc nói chung và kiến thức định hướng ngành nói riêng.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ

Đạt được năng lực tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương ứng HSK5) và năng lực ngoại ngữ 2 tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; có năng lực biên phiên dịch thành thạo tiếng Trung Quốc trong giao tiếp thông thường, có kỹ năng biên phiên dịch trong một số chuyên ngành kinh tế, thương mại, du lịch;

có khả năng ghi nhớ thông tin, phát âm chuẩn, giọng điệu tốt; chịu trách nhiệm về sản phẩm thông tin mình dịch về cả chất lượng và số lượng.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Nhận thức được quyền của người phiên dịch, đạo đức nghề nghiệp của biên/ phiên dịch, hợp đồng, tiền lương, làm quen với quá trình biên tập khác nhau và tích luỹ trải nghiệm thực tế của nghề biên/phiên dịch qua các loại hình thực tập, tập sự.

Có khả năng ghi nhớ thông tin, phát âm, giọng điệu tốt.

Có khả năng nhận diện và tôn trọng các loại văn bản, quy ước và văn phong của các loại thuyết trình.

Có khả năng chịu trách nhiệm về sản phẩm thông tin mình dịch về cả chất lượng và số lượng.

Có kỹ năng vận dụng kiến thức nền tảng vào thực tiễn công việc, vận dụng được các mẫu câu và từ vựng chuyên ngành vào tình huống giao tiếp thực tế khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực du lịch – thương mại.

Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để tối đa hoá lợi ích thương mại của bên mình đại diện.

Có kỹ năngquản lí dịch vụ kinh doanh kháchsạn nhà hàng, kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý khách sạn nhà hàng.

2.2.3. Kỹ năng khác

a) Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề:

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

b) Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ

Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc.

Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm có hiệu quả.

c) Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

d) Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

e) Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.

3. Thời gian đào tạo: 04 năm (có thể học vượt theo quy định)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Cụ thể:

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	35	0	**35**
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:	86	0	**86**
- Kiến thức cơ sở ngành	02	02	04
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	74	08	82
Thực tập tốt nghiệp và tốt nghiệp, trong đó:	09	0	**09**
- Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
- Khóa luận/Các học phần thay thế	6	0	6
Tổng	**122**	**8**	**130**

5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

5.2. Quy trình đào tạo

- Theo quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau được xét, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp danh hiệu cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc:

- Tích luỹ đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô;
- Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

6. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10, thang điểm 4, thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

Stt	Mã học phần	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ	
				LT	TH
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			**35**	**25**	**10**
1	DC - 01	Triết học Mác-Lênin	3	2	1
2	DC - 02	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	DC - 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	DC - 04	Lịchsử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	DC - 05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	DC - 06	Kỹ năng mềm 1	3	2	1
7	DC - 07	Kỹ năng mềm 2	2	1	1
8	DC - 08	Tin học đại cương	3	1	2
9	DC - 09	Pháp luật đại cương	2	2	0
10	DC-10A/DC-10 N	Ngôn ngữ Anh 1/Ngôn ngữ Nhật Bản 1	3	2	1
11	DC-11A/DC-11 N	Ngôn ngữ Anh 2/Ngôn ngữ Nhật Bản 2	3	2	1

12	DC-12A/DC-12 N	Ngôn ngữ Anh 3/Ngôn ngữ Nhật Bản 3	3	2	1
13	DC-13A/DC-13 N	Ngôn ngữ Anh 4/Ngôn ngữ Nhật Bản 4	3	2	1
14	NTCSN-01	Dẫn luận ngôn ngữ	2	1	1
		Giáo dục thể chất	4		
		Giáo dục Quốc phòng-Anninh	11		
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			4		
Học phần bắt buộc 2 tc					
15	NTCSN-02	Phươngpháp nghiêncứu khoa học	2	1	1
Học phần tự chọn 2 tc (Chọn 1 trong 4 học phần sau)					
16	NTCSNTC-01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
16	NTCSNTC-02	Nghiệp vụ văn phòng	2	1	1
16	NTCSNTC-03	Logic học	2	2	0
16	NTCSNTC-04	Tâm lý đại cương	2	2	0
7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành			**82**		
Học phần bắt buộc			**74**	**25**	**49**
17	NTCN- 01	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	1	3
18	NTCN- 02	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	1	3
19	NTCN- 03	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	1	3
20	NTCN- 04	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	1	3
21	NTCN- 05	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	1	3
22	NTCN- 06	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	1	3
23	NTCN- 07	Nghe nói 1	2	1	1
24	NTCN- 08	Nghe nói 2	3	1	2
25	NTCN- 09	Nghe nói 3	3	1	2
26	NTCN- 10	Nghe nói 4	3	1	2
27	NTCN- 11	Đọc viết 1	2	1	1
28	NTCN- 12	Đọc viết 2	2	1	1
29	NTCN- 13	Đọc viết 3	3	1	2
30	NTCN- 14	Đọc viết 4	3	1	2
31	NTCN- 15	Lý thuyết dịch	2	1	1
32	NTCN- 16	Đất nước học Trung Quốc	2	1	1
33	NTCN- 17	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	1	1
34	NTCN-18	Ngữ Pháp tiếng Hán hiện đại	3	1	2
35	NTCN-19	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	1	1
36	NTCN-20	Dịch nói 1	3	1	2
37	NTCN-21	Dịch nói 2	3	1	2
38	NTCN-22	Dịch nói 3	3	1	2

39	NTCN-23	Dịch viết 1	3	1	2
40	NTCN-24	Dịch viết 2	3	1	2
41	NTCN-25	Dịch viết 3	3	1	2
Học phần tự chọn 8 tc (Chọn 3 trong 9 học phần)					
47	NTCNTC-01	Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội	3	1	2
47	NTCNTC-02	Văn học Trung Quốc	3	1	2
47	NTCNTC-03	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	1	2
48	NTCNTC-04	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	1	2
48	NTCNTC-05	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	1	2
48	NTCNTC-06	Tiếng Trung du lịch	2	1	1
49	NTCNTC-07	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	2	1	1
49	NTCNTC-08	Tiếng Trung báo chí	3	1	2
49	NTCNTC-09	Tiếng Trung văn phòng	2	1	1
7.3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp					
50	1123149	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
7.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế					
51. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			6	2	4
51.1	1123151	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	1	2
51.2	1123152	Kỹ năng thuyết trình	3	1	2
Tổng			**130**		

8. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN- 01	Tiếng Trung Quốc tổng hợp1	4	3	1
2	NTCN- 02	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	3	1
3	DC - 01	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
4	DC - 06	Kỹ năng mềm (HP1)	3	2	1
5	DC - 10A	Tiếng Anh 1/Tiếng Nhật 1	3	2	1
	Tổng		**17**	13	4

HỌC KỲ II

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN-03	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	3	1

2	NTCN-04	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	3	1
3	NTCN-07	Nghe nói 1	2	1	1
4	NTCN-11	Đọc viết 1	2	2	0
5	DC - 02	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	2	0
6	DC - 07	Kỹ năng mềm 2	2	1	1
7	DC - 11A	Tiếng Anh 2/Tiếng Nhật 2	3	2	1
	Tổng		**19**	14	5

HỌC KỲ III

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN- 05	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	3	1
2	NTCN- 06	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	3	1
3	DC - 08	Tin học đại cương	3	2	1
4	DC - 09	Pháp luật đại cương	2	2	0
5	DC - 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	DC - 12A	Tiếng Anh 3/Tiếng Nhật 3	3	2	1
	Tổng		**18**	14	4

HỌC KỲ IV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN- 08	Nghe nói 2	3	2	1
2	NTCN- 12	Đọc viết 2	2	2	0
3	NTCN - 15	Lý thuyết dịch	2	2	0
4	NTCSNTC-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
5	DC - 04	Lịchsử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	DC - 05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
7	NTCSN- 01	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0
8	DC – 13A	Tiếng Anh 4/ Tiếng Nhật 4	3	2	1
	Tổng		**18**	16	2

HỌC KỲ V

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN -09	Nghe nói 3	3	2	1
2	NTCN -13	Đọc viết 3	3	2	1
3	NTCN -18	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	3	3	0
4	NTCN -17	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	2	0
5	NTCN -20	Dịch nói 1	3	2	1
6	NTCN -23	Dịch viết 1	3	2	1
	Tổng		**17**	13	4

HỌC KỲ VI

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN -10	Nghe nói 4	3	2	1
2	NTCN -14	Đọc viết 4	3	2	1
3	NTCN -21	Dịch nói 2	3	2	1
4	NTCN -24	Dịch viết 2	3	2	1
5		Tự chọn (chọn 2/6 học phần)	6		
5.1	NTCNTC- 01	Thuyết minh du lịch Hà Nội	3	2	1
5.2	NTCNTC- 02	Văn học Trung Quốc	3	2	1
5.3	NTCNTC- 03	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	2	1
5.4	NTCNTC-04	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	2	1
5.5	NTCNTC- 05	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	2	1
5.6	NTCNTC- 08	Tiếng Trung báo chí	3	2	1
	Tổng		**18**	12	6

HỌC KỲ VII

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN - 22	Dịch nói 3	3	2	1
2	NTCN- 24	Dịch viết 3	3	2	1
3	NTCN - 19	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	2	0

4		Tự chọn (chọn 1/3 học phần)			
	NTCNTC- 07	Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng	2	2	0
	NTCNTC-06	Tiếng Trung Quốc du lịch	2	2	0
	NTCNTC- 09	Tiếng TrungQuốctrong vănphòng	2	2	0
5	NTCSN- 02	Phươngpháp nghiêncứu khoahọc	2	2	0
6	NTCN - 16	Đất nước học Trung Quốc	2	2	0
	Tổng		**14**	12	2

HỌC KỲ VIII

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTTTTN	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
2	NTKLTN	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	6	4	2
	NTHPTT- 01	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	2	1
	NTHPTT - 02	Kỹ năng thuyết trình	3	2	1
	Tổng		**9**	4	5

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với Khoa Ngoại ngữ

- Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

9.2.Đối với giảng viên

- Nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi lên lớp nghe giảng;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án; xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết

trình tại lớp; hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá:

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải lên lớp đầy đủ thời gian để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 750.000VND/01 tín chỉ. Mức tăng không quá 10%/năm.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG	**TM.KHOA NGOẠI NGỮ** **PT NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ	
PGS,TS. Lê Ngọc Tòng	**ThS. Trần Thị Thanh Liêm**
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	**PHÒNG ĐT & QLSV** **TRƯỞNG PHÒNG**
PGS,TS. Lê Ngọc Tòng	**TS. Nguyễn Thái Sơn**